TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà **Dư Thị Út**.
2- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**.
Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Minh K**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trương Hồng T**, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Số 158 Điện Biên Phủ, Khóm 1, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, anh Huỳnh Minh K là nguyên đơn trong vụ kiện trình bày:

Vào tháng 01 năm 2014, anh Trương Hồng T có vay của anh số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất khoảng 5%/tháng. Đóng lãi được số tiền 2.500.000 đồng. Sau đó, do T không trả nợ nên anh K yêu cầu anh T ghi giấy hẹn trả nợ cho anh, số nợ được chia thành hai đợt: đợt 01 vào ngày 15/9/2014 dương lịch trả 25.000.000 đồng, đợt hai vào

ngày 25/12/2014 dương lịch trả 20.000.000 đồng, nhưng anh T vẫn không thực hiện đúng cam kết như đã hẹn. Nhưng có đóng thêm cho anh khoảng 10.000.000 đồng tiền lãi, ngoài ra không có trả tiền gốc. Việc thỏa thuận lãi suất chỉ nói miệng, không có ghi giấy tờ. Mỗi lần anh T đóng lãi thì anh K cũng không có ghi biên nhận, giấy tờ gì cả.

Anh K đã đến liên hệ đòi anh T trả nợ nhiều lần và được bà Hồng Thị T là mẹ ruột của anh T đứng ra bảo lãnh trả nợ thay, nhưng việc cam kết này chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ. Cho nên căn cứ vào Giấy hẹn có chữ ký của anh T vay tiền thì anh K chỉ yêu cầu một mình anh T trả nợ, không yêu cầu bà Thị T trả nợ thay.

Lý do từ cuối năm 2014 mặc dù T không trả nợ nhưng anh K không đi khởi kiện mà đến nay anh K mới đi khởi kiện là do mỗi lần lên anh T hoặc mẹ anh T trả cho anh được vài trăm ngàn tiền lãi thì anh về, lần cuối cùng anh T trả là cách nay khoảng 01 năm.

Tại phiên tòa, anh K yêu cầu anh T trả số tiền 45.000.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 14/8/2019 với mức lãi suất 09%/năm).

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 18/6/2019, anh Trương Hồng T là bị đơn trong vụ án trình bày:

Vào năm 2014 (không nhớ cụ thể thời gian), anh có vay của anh Huỳnh Minh K số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 15%, vay tiền có lập biên nhận (do anh K giữ). Sau khi vay tiền, anh có đóng lãi đầy đủ khoảng 05 tháng, đến khi không còn khả năng chi trả anh có xin anh K bỏ cho anh tiền lãi, cho trả dần tiền nợ gốc nhưng anh K không đồng ý và yêu cầu anh trả thêm tiền lãi 15.000.000 đồng cộng với nợ gốc và phải trả trong vòng 03 tháng. Anh đồng ý nhưng sau đó chỉ trả được 15.000.000 đồng tiền lãi, không trả được tiền gốc. Khoảng 20 ngày sau, anh K có gia hạn thêm cho anh 02 tháng để trả vốn và phải trả thêm 10.000.000 đồng tiền lãi. Do không có khả năng chi trả nên anh tạm lánh mặt anh K 02 tháng, sau đó anh K có đến nhà anh đòi tiền và gây áp lực cho gia đình anh nên anh phải vay mượn của người khác để trả tiền lãi cho anh K 10.000.000 đồng và kiên quyết không trả thêm tiền lãi nữa. Anh K nhận tiền và nói nếu anh trả nợ gốc trong vòng 01 tháng thì sẽ không tính lãi. Anh không có khả năng nên xin trả nợ gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì anh K đồng ý, anh bắt đầu trả được từ tháng 4/2015 đến tháng 8/2015, tổng cộng là 10.000.000 đồng, sau đó anh xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, anh K đồng ý và anh bắt đầu trả từ tháng 9 năm 2015 đến nay, tuy nhiên việc trả nợ không đều đặn, có khi ngưng vài tháng mới trả, anh nhớ là khoảng mười mấy triệu,việc trả tiền có lập sổ theo dõi nhưng hiện nay sổ đã bị thất lạc, anh sẽ tìm lại và cung cấp sổ cho Tòa án sau. Anh trả nợ đến cuối năm 2018 (tháng 12 dương lịch) thì ngưng trả do đã không còn khả năng chi trả. Đối với các lần trả tiền cho anh K thì đều có người chứng kiến là anh Đ ở Phường 8, thành phố B (họ tên, địa chỉ cụ thể sẽ cung cấp cho Tòa án sau) do anh Đ trực tiếp chở anh đi trả tiền cho anh K. Đối với giấy hẹn

ngày 15/7/2014 mà anh K cung cấp cho Tòa án thì đúng là do anh viết và ký tên. Anh đồng ý trả tiền nợ gốc 45.000.000 đồng nhưng yêu cầu đối trừ số tiền nợ gốc anh đã trả cho anh K là khoảng 25.000.000 đồng. Không đồng ý trả tiền lãi do anh đã đóng lãi quá nhiều cho anh K và hiện tại hoàn cảnh kinh tế của anh rất khó khăn, anh đang thất nghiệp nên không có khả năng chi trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa anh K và anh T đều thống nhất số tiền nợ, nay anh K yêu cầu anh T trả số tiền 45.000.000 đồng là có cơ sở. Đối với số tiền lãi anh K thừa nhận có nhận của anh T 12.500.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến nay với mức lãi suất 09%/năm là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là anh Huỳnh Minh K khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trương Hồng T nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là anh Trương Hồng T cư trú tại số 158 Điện Biên Phủ, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[2] Anh Huỳnh Minh K và anh Trương Hồng T thống nhất anh T có vay của anh K số tiền 45.000.000 đồng, hợp đồng vay bằng lời nói, không thỏa thuận thời hạn vay. Ngày 15/7/2014, anh T có ghi giấy hẹn trả nợ. Nguyên đơn cung cấp "Giấy hẹn" được phía bị đơn thừa nhận, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005, và là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào "Giấy hẹn" trả nợ thể hiện từ ngày 25/12/2014 anh K biết được quyền và lợi ích hợp pháp của anh bị xâm phạm, nhưng giữa anh K và anh T đã có sự thỏa thuận về việc trả lãi trong thời hạn kéo dài đến cuối

năm 2018, được anh K và anh T thừa nhận. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 154, điểm b khoản 1 Điều 157 và Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 còn thời hiệu khởi kiện.

Xét về quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản:

[4] Sau khi vay tiền thì anh K và anh T đã thỏa thuận phương thức trả tiền vay gốc được chia ra 02 kỳ, kỳ thứ nhất trả vào ngày 15/9/2014 với số tiền 25.000.000 đồng và kỳ thứ hai ngày 25/12/2014 trả 20.000.000 đồng. Do anh T không thực hiện theo thỏa thuận, nên anh K khởi kiện để yêu cầu trả nợ là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Anh Trương Hồng T cho rằng: từ lúc vay tiền đến nay anh đã trả nợ gốc cho anh K nhiền lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, anh yêu cầu được đối trừ vào số tiền 45.000.000 đồng mà anh đã vay của anh K. Tuy nhiên, anh K không thừa nhận có việc trả tiền này, anh T cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện anh đã trả số tiền 25.000.000 đồng như anh đã trình này, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh T, mà buộc anh T phải có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền vay 45.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Xét về yêu cầu tính lãi suất:

Anh Huỳnh Minh K cho rằng anh cho anh T vay tiền với mức lãi suất 5%/tháng, từ lúc vay đến nay anh T đã trả cho anh được 12.500.000 đồng tiền lãi. Do thấy hoàn cảnh anh T khó khăn, xem như số lãi này là trả cho giai đoạn từ ngày 15/7/2014 đến ngày 31/12/ 2016. Anh T không có chứng cứ chứng minh về quá trình đóng lãi suất. Hội đồng xét xử xét lời thừa nhận và yêu cầu của anh K, quá trình trả lãi của anh T đã tự nguyện thực hiện xong, phù hợp pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên không xem xét lại.

Anh K yêu cầu anh T trả lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 14/8/2019 với mức lãi suất 09%/năm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể anh T phải trả (45.000.000 đồng x 31 tháng 13 ngày x 09%/năm) 10.608.750 đồng tiền lãi cho anh K.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Minh K được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên anh K được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trương Hồng T có nghĩa vụ trả số tiền 55.608.750 đồng, nên anh T phải nộp (55.608.750 đồng x 5%) = 2.780.437 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nếu nguyên đơn, bị đơn không đồng ý với quyết định của Tòa án thì có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 476 và khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh K đối với anh Trương Hồng T.

Buộc anh Trương Hồng T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Huỳnh Minh K số tiền 55.608.750 đồng (Năm mươi lăm triệu sáu trăm lẻ tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) (trong đó có 45.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.608.750 đồng tiền lãi).

2/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trương Hồng T phải nộp 2.780.437 đồng (Hai triệu bảy trăm tám mươi ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Anh Huỳnh Minh K được nhận lại 1.834.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000466 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4/ Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THA DS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

LÊ PHAN CÔNG TRÍ